

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST

Ngày: 25-5-2018

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 666/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-DS ngày 23/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2018/QĐST-DS ngày 09/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C; trụ sở: 35/9 khu phố P, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn An T, sinh năm 1990; địa chỉ: 88/4, Đường 2, phường T, Quận 9, Thành phố M, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2017). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1983; địa chỉ: 35/9 khu phố P, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Nguyễn Trường H1, sinh năm 1981; địa chỉ: 35/9 khu phố P, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 7, đường N4, khu đô thị thương mại dịch vụ S, phường A, thị D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1979; địa chỉ: 51/A/7 đường Đ, khu phố L2, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/12/2016 Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C) cho anh Nguyễn Anh T1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng. Đến ngày 01/3/2017 anh Nguyễn Anh T1 đến Công ty C để trả số tiền vay nêu trên, do chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp nhận tiền. Sau khi nhận tiền xong Công ty C đã nhiều lần yêu cầu chị H nộp số tiền đó vào tài khoản của công ty nhưng chị H không thực hiện và còn ngang nhiên thách thức. Nhận thấy việc làm của chị H vi phạm nội qui công ty nên công ty đã ra quyết định tạm đình chỉ công việc của chị H và yêu cầu chị H bàn giao hồ sơ, sổ sách kế toán đồng thời yêu cầu chị H hoàn trả cho công ty số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 02/3/2017 chị H không chấp hành theo quyết định, còn cho người đe dọa và đánh đập người đại diện của công ty là anh Phan Tấn T3.

Công ty C xác nhận là chị Nguyễn Thị Thúy H có trả cho anh Nguyễn Anh T1 số tiền huê hồng 35.000.000 đồng mà Công ty C còn nợ anh T1.

Theo đơn khởi kiện Công ty C yêu cầu chị H hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 11/4/2018 Tòa án nhận được đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc chỉ yêu cầu chị H hoàn trả số tiền 165.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 06/3/2018 bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Công ty C được thành lập từ năm 2008, công ty được thành lập với hình thức công ty gia đình, thành viên góp vốn gồm: Vợ chồng anh Phan Tấn T2, chị Nguyễn Thị Thanh N (chị ruột của chị H) và anh Lê Nguyễn Trường H1 (chồng chị H).

Chị H vào Công ty C làm việc từ năm 2009 đến nay, công việc là kế toán. Anh Nguyễn Anh T1 là khách hàng của Công ty C. Vào đầu tháng 12/2016 anh Nguyễn Anh T1 có mượn của Công ty C số tiền 200.000.000 đồng, không lãi suất. Đến ngày 01/3/2017 anh Nguyễn Anh T1 có đến Công ty C để trả số tiền vay 200.000.000 đồng, chị H là người viết phiếu thu và nhận tiền. Tại thời điểm chị nhận tiền còn có mặt của anh Phan Tấn T2 và chị Nguyễn Thị Thanh N. Khi đó công ty còn đang nợ anh Nguyễn Anh T1 tiền hoa hồng 35.000.000 đồng nên chị H

đã chi 35.000.000 đồng trả cho anh T1 theo yêu cầu của chị N. Vì vậy thực tế hiện nay chị H chỉ còn giữ của Công ty C số tiền 165.000.000 đồng.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu chị H trả lại cho Công ty số tiền 165.000.000 đồng thì chị H đồng ý nhưng chị mong muốn được gặp trực tiếp anh Phan Tấn T2 và chị Nguyễn Thị Thanh N để trả chứ không trả cho người đại diện. Mặt khác tháng 8 năm 2016 chị H có cho chị gái là Nguyễn Thị Thanh N vay số tiền 180.000.000 đồng nhưng không lập phiếu chi, vì nghĩ chỗ chị em.

- Tại bản tự khai ngày 06/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Nguyễn Trường H1 trình bày:

Anh H1 là thành viên góp vốn của Công ty C do anh Phan Tấn T2 là người đại diện theo pháp luật. Anh không trực tiếp tham gia công việc điều hành công ty mà để cho vợ là chị Nguyễn Thị Thúy H là kế toán của công ty quản lý. Anh H1 thống nhất trình bày có chị H về việc anh Nguyễn Anh T1 có vay và trả số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty C. Thực tế hiện nay chị H chỉ giữ của Công ty C số tiền 165.000.000 đồng và chị H đã giao cho anh H1 gửi vào tài khoản cá nhân của anh tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh L từ ngày 01/3/2017. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền số tiền 200.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh chỉ giữ số tiền 165.000.000 đồng, hơn nữa anh H1 cũng là thành viên của công ty nên giữ cho công ty chứ không phải cá nhân anh.

- Lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Anh T1 trình bày:

Anh T1 và Công ty C có làm ăn chung nhiều năm trước. Vào tháng 12/2016 do cần vốn làm ăn nên anh có đến Công ty C vay số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 01/3/2017 anh đã đem số tiền trên trả cho Công ty C Thời điểm anh T1 đến trả tiền có mặt anh Phan Tấn T2 – Giám đốc công ty, chị Nguyễn Thị Thanh N – Thủ quỹ của công ty và chị Nguyễn Thị Thúy H – kế toán của công ty. Anh T1 đã trả đủ cho Công ty C số tiền 200.000.000 đồng, ngay sau đó công ty cũng trả cho anh số tiền 35.000.000 đồng, là tiền công ty còn nợ anh trong quá trình anh và công ty làm ăn trước đó. Anh T1 xác định đã trả đủ cho Công ty C số tiền vay là 200.000.000 đồng và công ty đã thanh toán cho anh tiền nợ làm ăn trước đó. Còn việc số tiền 35.000.000 đồng mà công ty trả cho anh ngay sau khi anh trả tiền vay cho công ty có lấy ra từ số tiền 200.000.000 đồng mà anh trả cho công ty hay không thì anh không rõ. Ngoài ra anh T1 không chứng kiến hay biết gì thêm về số tiền mà Công ty C đang khởi kiện chị H. Mọi vấn đề do các bên tự giải quyết với nhau, anh không còn bất cứ quyền lợi hay nghĩa vụ gì về số tiền đã trả cho công ty.

- Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị Nga là nhân viên của Công ty C, chức vụ là Thủ quỹ. Chị N xác nhận chị Nguyễn Thị Thúy H có nhận của anh Nguyễn Anh T1 số tiền 200.000.000 đồng và có đưa trả cho anh T1 số tiền 35.000.000 đồng. Còn việc anh Phan Tấn T2 có duyệt

chi cho chị H chi số tiền 35.000.000 đồng cho anh T1 hay không thì chị không có ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn An T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Nguyễn Trường H1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 09/5/2018 và ngày 25/5/2018 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Mặt khác, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về thanh toán số tiền 35.000.000 đồng. Việc rút này của phía nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và ý kiến của phía nguyên đơn và kết quả diễn biến tại phiên tòa. Xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải hoàn trả cho Công ty C số tiền 165.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý: Nguyên đơn Công ty C khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy Hằng có địa chỉ tại số: 35/9 khu phố P, phường T, thị xã D, tỉnh B để yêu cầu hoàn trả lại số tiền 165.000.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về việc chấp hành tham gia phiên tòa của các đương sự: Anh Nguyễn An T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên họ đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 09/5/2018 và ngày 25/5/2018 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 11/4/2018 Công ty C nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 165.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Chị Nguyễn Thị Thúy Hằng được tuyển dụng làm kế toán của Công ty C từ năm 2009. Ngày 18/12/2016 Công ty C cho anh Nguyễn Anh T1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Đến ngày 01/3/2017 anh Nguyễn Anh T1 trả cho Công ty C trả số tiền vay nêu trên. Chị Nguyễn Thị Thúy H (Kế toán) trực tiếp nhận tiền của anh Tuấn trả, với sự chứng kiến của anh Phan Tấn T1 (Giám đốc) và chị Nguyễn Thị Thanh N (Thủ quỹ). Đồng thời ngay sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng, chị H đã thực hiện việc chi trả cho anh Nguyễn Anh T1 số tiền 35.000.000 đồng mà Công ty C còn nợ trong quá trình làm ăn trước đó. Như vậy số tiền chị H đang giữ của Công ty C là 165.000.000 đồng. Số tiền này chị H giao cho anh H đang gửi trong tài khoản cá nhân của anh H. Vấn đề này được các đương sự thừa nhận, phù hợp với lời khai người làm chứng, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

[4.2] Chị Nguyễn Thị Thúy H với vai trò là Kế toán của Công ty C, sau khi nhận tiền của khách hàng trả nợ cho công ty nhưng không bàn giao tiền cho Công ty mà lại chiếm giữ là sai quy định, không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình. Công ty C đã nhiều lần yêu cầu chị H giao trả số tiền chị đang chiếm giữ của Công ty nhưng chị không thực hiện. Đồng thời Công ty C đã có đơn tố cáo hành vi chiếm giữ tài sản của công ty đối với chị H ra cơ quan điều tra. Qua xác minh, ngày 29/12/2017 Cơ quan điều tra Công an thị xã Thuận An có kết luận về hành vi của chị H đã nhận số tiền 200.000.000 đồng của Công ty C không có dấu hiệu tội phạm về Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Như vậy việc chị H tự ý chiếm giữ số tiền 165.000.000 đồng của Công ty C là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

[4.3] Mặc dù anh Lê Nguyễn Trường H1 (chồng chị H) là thành viên góp vốn của Công ty C nhưng việc chị H tự ý chuyển giao số tiền 165.000.000 đồng của Công ty cho anh H1 quản lý khi không được sự thống nhất chấp thuận của các cổ đông trong công ty là sai quy định. Tuy nhiên nguyên đơn xác định, mặc dù thực tế hiện nay anh Lê Nguyễn Trường H1 đang giữ số tiền này nhưng đó là vấn đề thỏa thuận giữa hai vợ chồng chị H và anh H1; còn chị H là Kế toán của Công ty C và trực tiếp nhận số tiền này của khách hàng trả nợ cho Công ty nên chị H phải có trách nhiệm giao trả lại cho Công ty theo đúng quy định. Xét đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản giữa Công ty C với nhân viên kế toán của Công ty; đương sự

không tranh chấp giữa các thành viên góp vốn của công ty nên Tòa án không xem xét. Mặt khác, nguyên đơn không yêu cầu xem xét trách nhiệm của anh H1 đang giữ số tiền 165.000.000 đồng và không buộc anh H1 trả cho Công ty C số tiền này cho nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận. Như vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền 165.000.000 đồng cho Công ty C là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, 147, 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 166, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C về việc kiện đòi tài sản số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C về việc kiện đòi tài sản đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền 165.000.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH C 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018552 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà